

Bản án số: **101/2019/HS-ST**.
Ngày 19/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Hữu Bình

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà Lê Thị Thảo

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Qtham gia phiên toà: Bà Phạm
Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang,
tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số
93/2019/TLST-HS, ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
93/2019/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 7 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bà Đình L**, sinh ngày 02/9/1990;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn L(nay là xóm 8), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên
Quang.

Dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình
độ học vấn: 9/12; con ông: Bà Văn K, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị Đ, sinh năm
1971; anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ: Triệu Thị T, sinh năm
1990; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2012 nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không có

Nhân thân:

Ngày 03/8/2006 UBND huyện S, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định v/v áp
dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về
hành vi Trộm cắp tài sản;

Ngày 02/5/2019, Công an thành phố Qra Quyết định xử phạt vi phạm hành
chính số 98, phạt 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Chu Văn T**, sinh ngày 10/11/1992;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn 3, xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông: Chu Văn T, sinh năm 1960 và bà Lê Thị T, sinh năm 1962; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ ba; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 20/7/2008, Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt 1.250.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

Bản án số 14/2013/HSST ngày 03/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong bản án ngày 31/8/2015;

Ngày 19/10/2017 Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt 1.250.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bị hại:* Ông Đỗ Đăng T; trú tại: Tổ 18 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 24/4/2019, Bàn Đình L; trú tại thôn L(xóm 8), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang rủ Chu Văn T; trú tại thôn 3, xã Tẩy Cốc, huyện H, tỉnh Phú Thọ đi trộm cắp chó để bán lấy tiền chi tiêu, T đồng ý. Khoảng 04 giờ ngày 25/4/2019, T gọi điện cho L hẹn L đón T ở bãi khai thác cát sỏi thuộc tổ 4 (nay là tổ 2), phường T, thành phố Q để cùng đi tìm chó bắt trộm. Sau đó, T mang theo 01 súng điện bắn chó tự chế (gồm 01 bình ắc quy được đấu nối với dây điện dài 290cm, đầu dây điện buộc vào 01 đoạn gỗ dài 30cm, đầu đoạn gỗ có 02 đoạn kim loại dài khoảng 05cm; 01 khẩu súng bằng gỗ, phần trên thân súng được ốp bằng kim loại màu trắng, giáp báng súng có thanh kim loại), 01 cuốc bằng dĩnh màu đen.

Sau đó, T nhờ Phạm Văn T1; trú tại thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang chở đưa đến chỗ hẹn gặp L (T đang ở nhờ nhà T1), T1 điều khiển xe mô tô chở T đến khu vực tổ 4 (nay là tổ 2), phường H, thành phố Q rồi đi về luôn. L mang theo một bao tải màu cam, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 22B2-284.19 (là xe của chị Triệu Thị T, vợ L) đến đón T. Gặp nhau, L điều khiển xe chở T ngồi sau, đi theo tuyến đường xã Đ và phường N, thành phố Q, mục đích tìm chó để bắt trộm. Khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến khu vực trước cổng nhà ông Đỗ Đăng T, thuộc tổ 18 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Q, L và T nhìn thấy

01 con chó cái, loại lai béc giê, màu lông vàng đen, trọng lượng 20kg của gia đình ông T đang nằm ở đường phía trước cửa nhà ông T. L dùng xe, T dùng súng điện tự chế bắn vào con chó, L và T lấy băng dính cuốn vào miệng con chó, cho chó vào bao tải rồi mang đến bán cho Phạm Ngọc H; trú tại tổ 13 (nay là tổ 9), phường L, thành phố Q được số tiền 1.000.000 đồng (T cầm tiền bán chó). Sau đó, H đã bán con chó này cho một người đi thu mua chó (không biết tên, địa chỉ) được 1.200.000 đồng.

Khoảng 05 giờ cùng ngày, L và T đi đến khu vực cầu Nông Tiến, thuộc tổ 10 (nay là tổ 6), phường N, thành phố Q thì gặp Tổ công tác Công an thành phố Q yêu cầu kiểm tra, T mang theo dụng cụ dùng để bắt trộm chó nhẩy khỏi xe chạy bộ, trên đường bỏ chạy T vứt khẩu súng bắn chó tự chế cùng bao tải đựng chó xuống cống của một ao nước thuộc tổ 7 (nay là tổ 4), phường N thì bị Tổ công tác Công an thành phố Q bắt giữ. Sau đó thu giữ khẩu súng bắn chó tự chế và bao tải đựng chó, còn cuộn băng dính cùng số tiền 1.000.000 đồng (tiền bán chó) bị rơi mất, không biết địa điểm rơi nên không thu giữ được. Khi bị yêu cầu kiểm tra L tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy và đâm vào xe mô tô của anh Triệu Thế A; trú tại tổ 13 (nay là tổ 7), phường T, thành phố Q làm cả 02 xe đổ xuống đường, L bị thương được đưa đến Bệnh viện đa khoa Q điều trị, xe mô tô của anh Triệu Thế A bị vỡ vỡ yếm ở đầu xe.

Tại kết luận định giá tài sản số 27 ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận: 01 con chó cái lai Béc Giê, cân nặng 20kg, có giá trị là 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*).

Tại Cáo trạng số 95/CT-VKSTP, ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố các bị cáo Bàn Đình L, Chu Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Bàn Đình L, Chu Văn T về tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bàn Đình L; xử phạt bị cáo Bàn Đình L từ 06 đến 09 tháng tù; xử phạt Chu Văn T 07 đến 10 tháng tù. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại, ông Đỗ Đăng T đã nhận được số tiền bồi thường 3.200.000 đồng do các bị cáo bồi thường trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa, ông T gửi cho Hội đồng xét xử 01 giấy biên nhận tiền do vợ ông là bà Trần Thị H viết, xác

nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường. Tại phiên tòa ông T không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm gì và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: căn cứ lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; biên bản sự việc; biên bản vụ việc; biên bản xác minh hiện trường, bản ảnh hiện trường; kết luận định giá tài sản; lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 25/4/2019, tại tổ 18 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Bàn Đình L, cư trú tại thôn L(xóm 8), xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và Chu Văn T; trú tại thôn 3, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó, giống chó cái lai Béc Giê, cân nặng 20kg, trị giá 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) của ông Đỗ Đăng T; trú tại tổ 18 (nay là tổ 10), phường N, thành phố Q. Hành vi lén lút, lợi dụng trời còn đêm tối lấy tài sản của người khác mà các bị cáo đã thực hiện phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ.

Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân về tình hình an ninh trật tự. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác mà các bị cáo thực hiện là hành vi trái pháp luật; các bị cáo có sức khỏe, có khả năng lao động. Nhưng lười lao động, vì háo lợi, muốn có tiền chi tiêu cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý trộm cắp tài sản của ông Đỗ Đăng T. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, khai báo trung thực về hành vi phạm tội của mình và các tình tiết có liên quan đến vụ án; các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, nhận thức sâu sắc về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện; các bị cáo có ý thức tích cực bồi thường cho người bị hại toàn bộ số tiền theo yêu cầu của người bị hại; người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Riêng đối với bị cáo Bàn Đình L,

bị cáo không có tiền án, chưa phạm tội lần nào, phạm tội lần này là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo L.

[4] Về xác định vai trò và áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng đều là người có nhân thân xấu; bị cáo L đã từng bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng về hành vi Trộm cắp tài sản; sau khi thực hiện hành vi trộm cắp bị cáo được tại ngoại còn bị Công an thành phố Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Chu Văn T đã từng bị xét xử về hành vi Cố ý gây thương tích, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc; năm 2018 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, chưa được xóa tiền sự. Hành vi phạm tội lần này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo.

Bị cáo Bàn Đình L thực hiện hành vi trộm cắp với vai trò là người chủ mưu, rủ rê, chuẩn bị công cụ phạm tội (bao tải để đựng chó) và cùng thực hành với bị cáo T. Bị cáo T có vai trò chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và cùng thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Do vậy, đánh giá vai trò và mức độ thực hiện hành vi phạm tội của hai bị cáo là ngang nhau.

Bị cáo Bàn Đình L có 04 tình tiết giảm nhẹ; bị cáo Chu Văn T có 03 tình tiết giảm nhẹ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo L nhẹ hơn bị cáo T, nhằm phân hóa rõ và thể hiện tính công bằng của pháp luật đối với người phạm tội.

Các bị cáo đều không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về phân trách nhiệm dân sự: Người bị hại, ông Đỗ Đăng T đã nhận đủ số tiền 3.200.000 đồng, là tiền do các bị cáo bồi thường. Ông T không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phân trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra có thu giữ 01 bình ắc quy được đấu nối với dây điện dài 290cm, đầu dây điện buộc vào 01 đoạn gỗ dài 30cm, đường kính 01 cm, đầu đoạn gỗ có 02 thanh kim loại dài khoảng 05cm; 01 khẩu súng bằng gỗ, phần trên thân súng được ốp bằng kim loại màu trắng, giáp băng súng có thanh kim loại; 01 bao tải màu cam đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 22B2-284.19.

Ngày 05/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại xe mô tô cho chị Triệu Thị T. Do quá trình điều tra xác định đây là phương tiện đi lại, làm ăn kiếm sống của chị T, khi L mang xe mô tô đi thực hiện hành vi trộm cắp chị

T không biết. Việc trả lại xe mô tô cho chị T đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

01 bình ắc quy được đấu nối với dây điện dài 290cm, đầu dây điện buộc vào 01 đoạn gỗ dài 30cm, đường kính 01 cm, đầu đoạn gỗ có 02 thanh kim loại dài khoảng 05cm; 01 khẩu súng bằng gỗ, phần trên thân súng được ốp bằng kim loại màu trắng, giáp báng súng có thanh kim loại; 01 bao tải màu cam đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với hành vi mua chó là tài sản các bị cáo trộm cắp được của Phạm Ngọc H, khi mua Phạm Ngọc H không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với Phạm Ngọc H. Phạm Văn T1 khi chở bị cáo T đến khu vực bị cáo T hẹn bị cáo L cũng không biết T đến đó làm gì, và cũng không biết T hẹn L để cùng nhau đi trộm cắp, nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 58 của Bộ luật hình sự, đối với cả hai bị cáo Bàn Đình L, Chu Văn T; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bàn Đình L. Áp dụng các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Các bị cáo **Bàn Đình L, Chu Văn T** phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

Xử phạt: Bị cáo Bàn Đình L **06 (Sáu)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Chu Văn T **07 (Bảy)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 bình ắc quy được đấu nối với dây điện dài 290cm, đầu dây điện buộc vào 01 đoạn gỗ dài 30cm, đường kính 01 cm, đầu đoạn gỗ có 02 thanh kim loại dài khoảng 05cm; 01 khẩu súng bằng gỗ, phần trên thân súng được ốp bằng kim loại màu trắng, giáp báng súng có thanh kim loại; 01 bao tải màu cam đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng được thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/7/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q. với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang)

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Bàn Đình L, Chu Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang;
- Công an tp. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp. Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã T, huyện S;
- UBND xã Tây Cốc, h. Đoan Hùng, t. Phú Thọ;
- Các bị cáo; người bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hữu Bình – Lê Thị Thảo

Lương Thanh Huyền

